

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường

Ngày	Chỉ số	CK tăng giá	CK giảm giá	CK đứng giá
6/29	4.23	143	203	61
6/28	15.69	200	133	74
6/25	10.40	193	125	89
6/24	2.85	100	232	75
6/23	(3.10)	85	255	67
6/22	7.34	170	173	64

■ CK tăng giá ■ CK giảm giá ■ CK đứng giá

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VPB (296.78)	
CTG	(120.07)
VIC	(40.19)
NVL	(21.63)
TCH	(12.85)
GEX	(11.11)
VIB	(10.10)
VCI	(10.05)
GAS	17.12
FUEVFVND	21.32
VJC	26.01
HPG	55.11
STB	65.35
VCB	92.37
VNM	93.71
VHM	166.38

Chỉ số Vnindex tiếp tục duy trì đà tăng sau khi vượt đỉnh 1400 hôm trước. Nhóm ngân hàng vẫn là nhóm ngành tăng tốt nhất thị trường nhưng đã hạ nhiệt khá nhiều và chỉ có vài mã tăng như VBB, STB, EIB, VCB. VN30 đóng vai trò quan trọng trong việc giữ xanh chỉ số Vnindex, với sự trở lại của hàng loạt cổ phiếu trụ như VJC, FPT, VHM, VNM, PDR, VIC. Trong khi đó nhiều cổ phiếu ngân hàng lớn như VPB, TPB, CTG, ACB, OCB đều đảo chiều mất điểm phiên chiều. Áp lực bán ra trong ngày cũng khá lớn và làm hơn 203 mã giảm so với chỉ 143 mã xanh trên sàn HOSE. Thanh khoản trong ngày có phần tăng nhẹ với gần 20 ngàn tỷ khớp lệnh tại sàn HOSE trong đó riêng cổ phiếu ngân hàng giao dịch khoảng 34%.

Nhóm chứng khoán phân hóa mạnh với VCI, CTS, BVS, HCM tăng nhẹ trong khi VND, SHS, SSI mất điểm nhẹ. Cùng với nhóm ngân hàng, cổ phiếu chứng khoán vẫn là nhóm ngành dự báo sẽ có lợi nhuận tăng trưởng mạnh trong quý 2 sắp đến nhờ hoạt động giao dịch gia tăng trong thời gian vừa qua.

VJC vừa hợp ĐHCĐ với kế hoạch tăng vốn bằng việc chào bán tối đa 15% vốn điều lệ. Vietjet cũng lên kế hoạch huy động trái phiếu quốc tế dự kiến thực hiện trong năm 2021 hoặc 2022, tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành 300 triệu USD có thời hạn 5 năm.

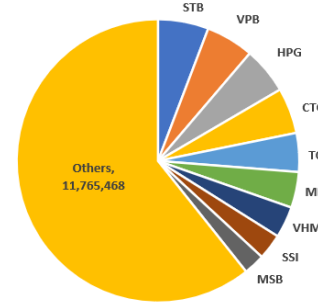
Sau khi bùng nổ phiên hôm trước, nhóm thép đã gặp áp lực bán mạnh với hàng loạt cổ phiếu đảo chiều ngay trong ngày như HPG, HSG, NKG, TLH ... Duy nhất POM vẫn tăng trần dư mua sau khi có thông tin POM lên kế hoạch phát hành 70 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021 hoặc 2022. Quan trọng nhất là kế hoạch kinh doanh doanh lạc quan với doanh thu thuần 12.000 tỷ đồng, tăng 22%; lãi sau thuế 600 tỷ đồng, gấp 38 lần so với thực hiện năm 2020. Quý I, POM đã ghi nhận 2.699 tỷ đồng doanh thu, tăng nhẹ 8% so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 75 tỷ đồng, cải thiện so với con số lỗ 56 tỷ đồng quý I/2020.

Vnindex 1,410.04

▲ +4.23 (+0.3%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VJC	120.0	4,500	3.90
FPT	88.6	2,900	3.38
VHM	118.6	3,100	2.68
STB	31.0	800	2.65
VNM	91.0	1,800	2.02
HVN	27.7	450	1.65
PDR	95.9	1,300	1.37
SSI	54.6	700	1.30
VCB	114.0	1,400	1.24
VIC	118.0	1,300	1.11
MWG	147.0	1,500	1.03
NVL	121.0	1,000	0.83
MBB	43.5	350	0.81
REE	57.7	400	0.70
PNJ	98.6	500	0.51
VIB	50.0	50	0.10
BID	46.9	-	-
BCM	54.4	-	-
TCB	53.5	(100)	(0.19)
HDB	35.9	(100)	(0.28)
DHG	95.3	(300)	(0.31)
VRE	31.7	(100)	(0.31)
MSN	108.5	(400)	(0.37)
ACB	36.5	(250)	(0.68)
POW	12.1	(100)	(0.82)
SAB	169.6	(1,500)	(0.88)
CTG	53.9	(500)	(0.92)
TPB	37.3	(350)	(0.93)
HPG	51.8	(600)	(1.15)
BVH	59.1	(900)	(1.50)
PLX	56.2	(900)	(1.58)
VPB	66.9	(1,100)	(1.62)
GVR	35.7	(600)	(1.65)
GAS	93.0	(2,000)	(2.11)

Thị trường duy trì đà tăng tốt trong hai phiên đầu tuần với thanh khoản gia tăng dần từ 16 ngàn tỷ lên gần 20 ngàn tỷ trên sàn HOSE. Các nhóm cổ phiếu đáng chú ý nhất trong 2 phiên vừa qua thuộc các nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, thép và nhóm Big cap như VJC, VHM, VIC. Dù chỉ số liên tục vượt đỉnh nhưng động lực chung của thị trường vẫn duy trì khá và có niềm tin kỳ vọng chỉ số tiếp tục duy trì trên 1400 trong tháng 7 sắp đến nhờ vào mùa báo cáo quý 2 sắp công bố.

Quý 2 vừa qua dù dịch bệnh trở lại phức tạp nhưng giao dịch thị trường vẫn tăng trưởng tốt với giá trị giao dịch bình quân mỗi ngày tại sàn HOSE quý 2 đạt gần 20 ngàn tỷ, tăng hơn 40% so với mức 14 ngàn tỷ của quý I. Điều này có lợi với nhóm công ty chứng khoán trong mùa báo cáo quý 2. Hoạt động tự doanh có thể không đạt doanh số cao như quý 2 nhưng giá trị giao dịch môi giới sẽ bù lại với các công ty chứng khoán. Đó là lý do nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu chứng khoán giai đoạn này cùng với cổ phiếu ngân hàng và thép. Những cổ phiếu trọng tâm đáng chú ý ưu tiên nắm giữ hiện tại: CTG, MBB, OCB, STB, VCI, HCM, SSI, CTS, VND, GVR, HPG, NKG, HSG.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	35.5	10.4	17	23	Mục tiêu 37. Chuẩn bị chốt lãi	3/3/2021	86.8%
CTG	53.9	3.9	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 60	2/3/2021	54.4%
OCB	31.1		18	30	Mục tiêu 35. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	48.1%
HPG	51.8	0.2	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 80	2/3/2021	23.3%
MWG	147.0	0.7	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	15.3%
STB	31.0	2.6	15	22	Mục tiêu 34. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	72.2%
D2D	54.7	(4.0)	52	65	Mua quanh 52. Mục tiêu 65	5/4/2021	5.2%
SZC	39.0	(3.8)	32	44	Mục tiêu 40. Chuẩn bị chốt lời	5/4/2021	16.4%
PET	21.8	(2.2)	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	10.7%
PNJ	96.0	0.1	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	43.5	3.5	20	27	Chốt lãi	2/3/2021	79.0%
FPT	88.6	3.7	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	26.6%
VPB	66.9	1.4	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	88.5%
HSG	42.0	0.5	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	75.7%
DGW	130.0	(0.5)	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VHM	2.68
CMX	2.68
HII	2.78
HCM	2.86
EVE	2.94
FPT	3.38
PXT	3.70
VJC	3.90
PLP	4.21
LGL	4.27
LHG	5.32
TCO	6.61
POM	6.73
VNE	6.89
SGT	6.91
FTM	6.95
TGG	6.98
HID	7.00

Top tăng giá HNX

VBC	1.87
SDA	2.08
DL1	2.20
LAS	2.22
HHG	2.44
VIT	2.94
VTV	3.03
NRC	3.06
DID	3.08
L62	3.28
LUT	4.17
CSC	4.65
SD2	4.92
NBC	9.35
TC6	9.38
MCF	9.38
TVD	9.57
THT	9.62
MDC	9.68
HLC	9.90
CTC	10.00
TTZ	10.00
TDN	10.00

HAX - CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu thường cho ban điều hành và cổ phiếu ESOP cho nhân viên. Doanh nghiệp dự kiến phát hành 350.000 cổ phiếu thường cho ban điều hành gồm 6 người.

SPI - Công ty cổ phần Spiral Galaxy – Đã thống nhất mua 5,4 triệu cổ phần tại Công ty cổ phần Cam Ranh Riviera Nha Trang. Dự kiến sau giao dịch, Spiral Galaxy sẽ nắm giữ 9,31%/vốn điều lệ của Cam Ranh Riviera Nha Trang.

Cũng trong ngày 24/6, HĐQT của Spiral Galaxy đã có nghị quyết về việc chuyển nhượng tối đa 45%/vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Môi trường Quốc Bảo.

VOS - Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Năm 2021, VOSCO đặt ra mục tiêu, sản lượng vận tải đạt 5 triệu tấn, doanh thu đạt 1.227 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 30 tỷ đồng.

IJC - CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ngày 14/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 15/7. Theo đó, cổ tức trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 06/9/2021.

CSV - CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam - Ngày 28/6, HĐQT đã thông qua phương án trả cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức dự kiến vào 26/7/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 13/8/2021.

DPM - Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Ngày 05/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt cuối năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 06/7. Theo đó, cổ tức trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 7%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/7/2021.

HUB - CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế - Ngày 28/6, HĐQT đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với ông Lê Quý Định kể từ ngày 01/7/2021, cùng ngày, HUB bổ nhiệm ông Ngô Hữu Quý giữ chức vụ Tổng giám đốc thay thế.

TCO - CTCP Vận tải đa phương thức Duyên Hải - Đã thông qua việc bán toàn bộ hơn 1,92 triệu cổ phiếu quỹ hiện có theo giá thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

NVL - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va - Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trị giá hơn 237,5 tỷ đồng tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Phúc Thịnh.

Gilimex (GIL) dự kiến phát hành 7,2 triệu cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được hưởng 1 quyền, cổ đông sở hữu 5 quyền sẽ nhận thêm 1 cổ phần mới.

Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán là 10.000 đồng/CP.

Nguồn vốn thực hiện là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã qua kiểm toán của Công ty. Thời gian thực hiện dự kiến sau khi được chấp thuận của UBCK, dự kiến trong năm 2021.

Bên cạnh đó, ngày mai (30/6), Gilimex sẽ thực hiện đợt chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%. Thời điểm chốt danh sách cổ đông đã được thực hiện ngày 17/6 vừa qua.

Về kết quả kinh doanh, kết thúc quý I/2021, GIL ghi nhận doanh thu đạt 864,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 71,1 tỷ đồng, lần lượt tăng 19,7% và 66,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 16% lên 19,4%.

Tính tới 31/3/2021, tổng tài sản của GIL tăng 1,9% so với đầu năm lên 2.760,6 tỷ đồng. Trong đó, tài sản chủ yếu là tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 805,7 tỷ đồng, chiếm 29,2% tổng tài sản; các khoản phải thu ngắn hạn đạt 685,8 tỷ đồng, chiếm 24,8% tổng tài sản; tồn kho đạt 557,4 tỷ đồng, chiếm 20,2% tổng tài sản.

Trên thị trường, sau khi tạo lập đỉnh sát ngưỡng giá 80.000 đồng/CP, cổ phiếu GIL đã lao dốc mạnh sau khi đưa ra phương án phát hành 16,8 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với giá bán 35.000 đồng/CP, chưa bằng 1/2 so với thị giá trung bình 10 phiên gần nhất tại thời điểm đó của cổ phiếu GIL.

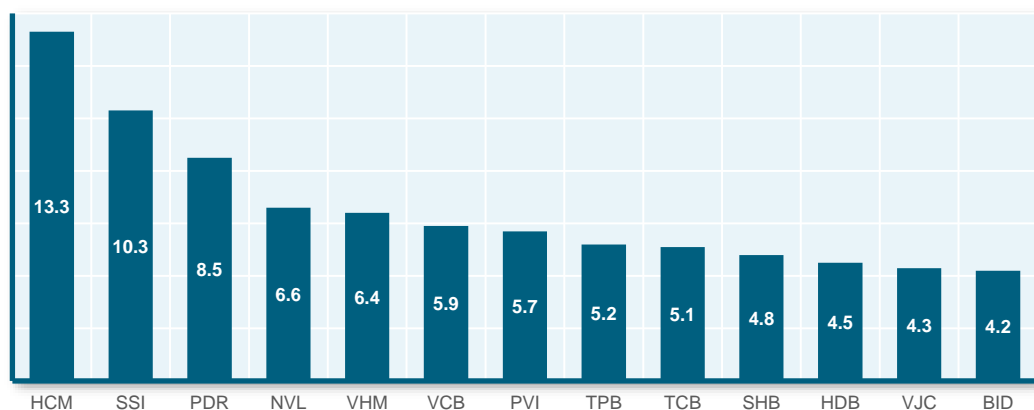
GIL	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021Q1
Doanh thu	1,108	1,079	1,291	2,170	2,254	2,538	3,457	864
Lợi nhuận	52	67	81	144	163	161	309	71
Lợi Nhuận Gộp	183	195	270	353	376	379	636	168
Chi phí lãi vay	(21)	(44)	(12)	(14)	(19)	(20)	(15)	(3)
KLCP DLH (triệu CP)	14	14	14	14	19	24	36	36
VCSH	379	391	452	560	709	836	1,290	1,360
Tổng Tài Sản	931	927	1,090	1,487	1,843	1,898	2,709	2,761
Vay Ngắn Hạn	373	395	448	544	694	579	765	789
Vay Dài Hạn	19	8	4	-	-	-	-	-
Tổng Nợ vay	392	404	452	544	694	579	765	789
Book Value	27,187	28,116	32,430	40,204	37,163	34,853	35,833	37,764
EPS	3,725	4,828	5,816	10,306	8,553	6,688	8,578	9,352
Tiền mặt	267	264	146	204	267	392	587	
Đầu tư TC NH	2	3	3	6	17	43	357	
Tồn kho	253	283	427	398	844	642	511	
Thặng dư vốn CP	172	166	166	166	167	167	227	

Ratio

Lãi vay/Tổng nợ vay	5.3%	11.0%	2.6%	2.5%	2.7%	3.4%	1.9%	-0.4%
CF Lãi Vay/LN Gộp	11.3%	22.8%	4.3%	3.9%	5.0%	5.2%	2.3%	1.7%
CF Lãi Vay/Doanh TI	1.9%	4.1%	0.9%	0.6%	0.8%	0.8%	0.4%	-0.3%
Nợ Vay/VCSH	103.5%	103.1%	100.1%	97.1%	97.9%	69.2%	59.3%	58.0%
Nợ phải trả/VCSH	146.0%	136.9%	141.4%	165.6%	160.0%	127.0%	110.0%	103.1%



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



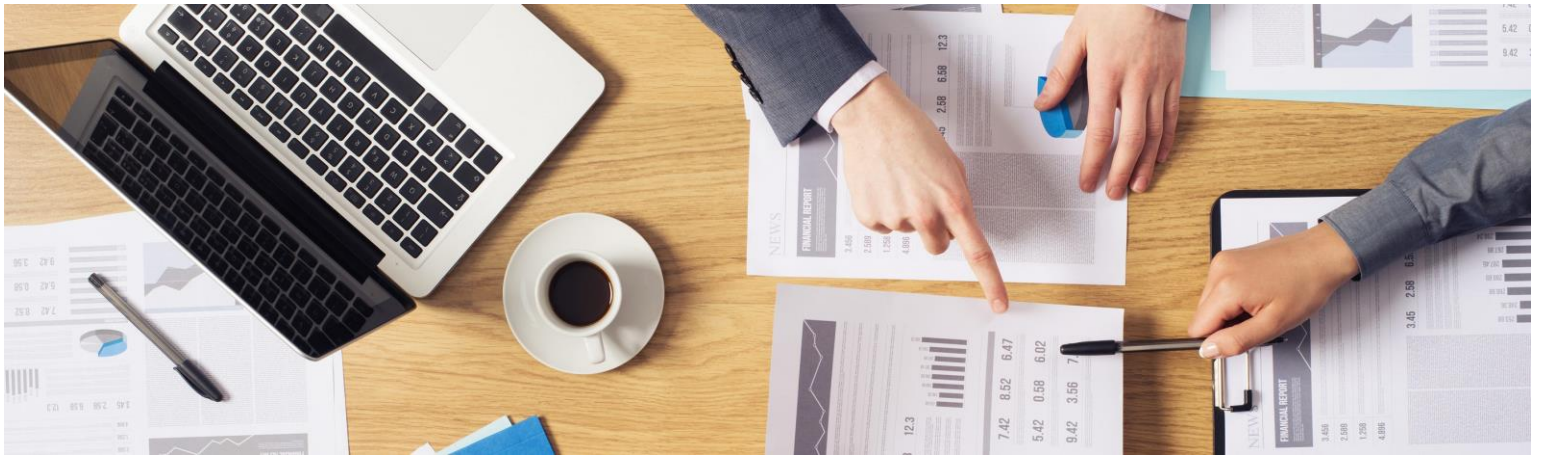
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	23.3	4,105,325	10.5	1.4	-	-	13,312	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	36.5	6,677,700	8.3	2.1	455,100	455,100	98,486	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	26.9	170,860	28.6	2.2	-	1,000	19,059	-	939	12,064
BID	HNX	46.9	3,945,700	22.3	2.3	41,500	158,900	188,633	16.61	2,103	20,453
CTG	HOSE	53.9	18,646,000	11.3	2.2	561,700	2,778,600	200,692	25.11	4,761	24,665
EIB	HOSE	30.5	666,800	42.8	2.2	2,000	14,300	37,498	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	35.9	4,712,300	8.8	2.2	1,217,400	853,300	57,216	17.93	4,066	16,572
LPB	UPCOM	30.5	8,845,100	13.6	2.2	39,400	52,600	32,776	3.20	2,239	14,059
MBB	HOSE	43.5	18,304,800	11.1	2.3	1,772,600	1,979,400	121,606	20.91	3,912	19,196
MSB	HOSE	30.3	15,280,600	12.4	2.0	-	140,500	35,057	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	19.5	11,029,187	-	1.9	-	-	7,933	8.70	27	10,532
OCB	HOSE	31.1	4,436,000	9.3	1.8	198,500	124,200	34,028	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	28.5	35,425,532	14.2	1.9	17,500	33,000	54,878	4.02	2,013	14,631
SSB	HOSE	41.0	2,099,600	30.8	3.5	-	-	49,498	-	1,331	11,769
STB	HOSE	31.0	36,074,600	20.7	1.9	2,386,600	295,200	55,913	12.30	1,495	16,485
TCB	HOSE	53.5	16,059,200	13.1	2.4	196,000	196,000	187,512	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	37.3	4,886,800	8.6	2.1	-	-	39,973	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	114.0	1,853,100	20.0	4.2	1,450,600	634,600	422,812	23.51	5,708	27,234
VIB	HOSE	50.0	1,040,100	9.4	2.9	28,100	229,200	77,657	20.93	5,297	17,420
VPB	HOSE	66.9	15,695,100	14.5	2.9	-	4,404,807	164,223	15.00	4,628	22,811
			209,954,404	16.34	2.33	8,367,000	12,350,707	1,898,762		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

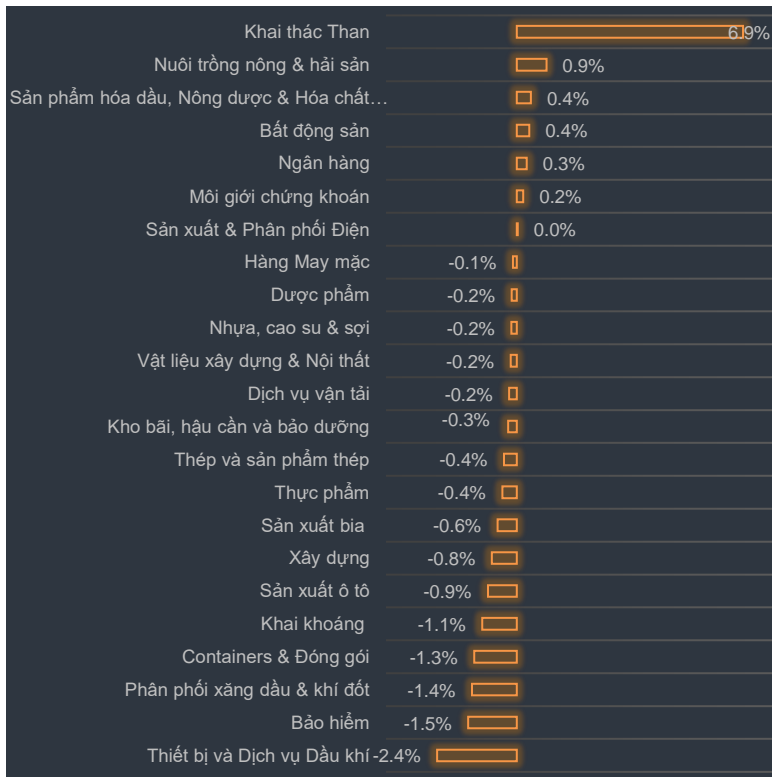
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	54,600	14,676,125	35,758,358	2,552.8	21.4	3.08	17,724
VCI	UPCOM	53,000	2,616,400	17,649,000	2,829.4	18.7	1.79	29,655
HCM	HNX	50,400	5,971,132	15,374,109	2,674.9	18.8	3.23	15,612
VND	UPCOM	45,200	6,084,159	9,696,063	5,308.7	8.5	2.16	20,939
SHS	UPCOM	44,000	9,438,458	9,119,801	4,994.5	8.8	2.45	17,951
MBS	UPCOM	31,000	2,459,952	8,295,829	1,279.0	24.2	2.36	13,147
FTS	HOSE	37,700	813,764	5,477,812	2,841.6	13.3	2.12	17,751
VIX	HNX	28,900	5,851,482	3,684,692	5,259.2	5.5	1.79	16,190
AGR	HOSE	14,200	2,182,866	2,988,479	572.1	24.8	1.45	9,775
BSI	UPCOM	22,800	1,798,123	2,771,812	2,051.4	11.1	1.79	12,711
ORS	HNX	25,800	802,945	2,580,000	1,516.4	17.0	2.44	10,574
VDS	HOSE	25,300	974,807	2,532,528	3,383.2	7.5	1.96	12,884
CTS	HOSE	24,000	1,729,996	2,553,591	2,444.1	9.8	1.73	13,885
TVS	HOSE	25,000	109,727	2,455,879	4,714.3	5.3	1.68	14,852
BVS	UPCOM	30,700	1,101,961	2,216,544	3,033.8	10.1	1.14	26,909
EVS	HOSE	34,100	452,087	2,046,014	2,382.6	14.3	2.41	14,167
SBS	HOSE	15,800	3,043,996	2,001,228	25.2	628.0	9.62	1,643
PHS	HOSE	14,900	802	1,341,000	828.3	18.0	1.32	11,291
TVB	HOSE	15,400	712,921	1,095,616	1,973.7	7.8	1.32	11,645
ART	HNX	10,200	6,203,028	988,610	269.8	37.8	0.89	11,459
TCI	UPCOM	16,100	268,855	796,950	2,331.0	6.9	1.32	12,235
IVS	UPCOM	10,000	111,577	693,500	352.2	28.4	1.01	9,862
BMS	UPCOM	13,900	77,081	695,000	1,808.9	7.7	1.07	12,977
APS	HOSE	15,700	1,877,603	612,300	2,395.8	6.6	1.41	11,126
PSI	UPCOM	10,100	121,719	604,397	182.9	55.2	0.96	10,519
AAS	HOSE	16,200	2,323,544	502,200	(40.2)		1.44	11,276
WSS	HNX	9,000	190,264	452,700	(44.4)		0.91	9,859
VFS	UPCOM	9,800	111,000	401,800	940.3	10.4	0.87	11,247
APG	UPCOM	11,000	2,021,859	374,318	1,157.5	9.5	0.92	12,002
HBS	HOSE	9,200	142,412	303,600	133.8	68.7	0.78	11,828



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CKG	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NBC	HNX	14/07/2021	15/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PMP	HNX	13/07/2021	14/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,030 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	MCF	HNX	8/7/2021	9/7/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CPC	HNX	8/7/2021	9/7/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DCM	HOSE	7/7/2021	8/7/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	MLC	UPCoM	6/7/2021	7/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,538.897 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	KSB	HOSE	6/7/2021	7/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	CAV	HOSE	5/7/2021	6/7/2021	23/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VSA	HNX	2/7/2021	5/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	VSA	HNX	2/7/2021	5/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	PBP	HNX	2/7/2021	5/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HTI	HOSE	2/7/2021	5/7/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	NED	UPCoM	2/7/2021	5/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DSS	OTC	1/7/2021	2/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,050 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	DRI	UPCoM	1/7/2021	2/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 270 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VPG	HOSE	1/7/2021	2/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	MSN	HOSE	1/7/2021	2/7/2021	16/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 950 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	FOX	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	VID	HOSE	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	TVA	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TDF	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DOC	UPCoM	30/06/2021	1/6/2021	8/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TCD	HOSE	30/06/2021	1/7/2021	22/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	TCD	HOSE	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	SCS	HOSE	29/06/2021	30/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DSV	UPCoM	29/06/2021	30/06/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	CT5	UPCoM	29/06/2021	30/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: NVT, LHG, LGL

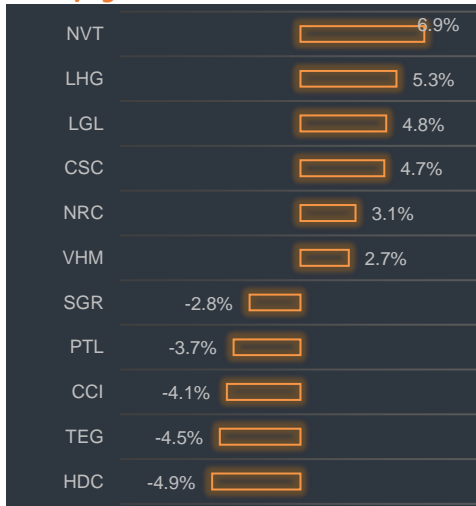
Xây dựng: TGG, , HID, VNE

Dầu khí: CNG, HTC, SFC

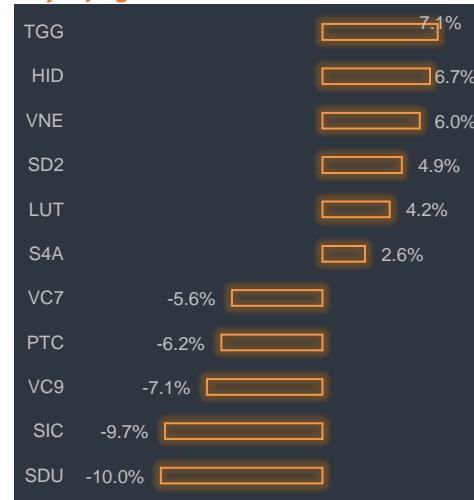
Chứng khoán: HCM, SBS, APG

Ngân hàng: STB, EIB, ABB

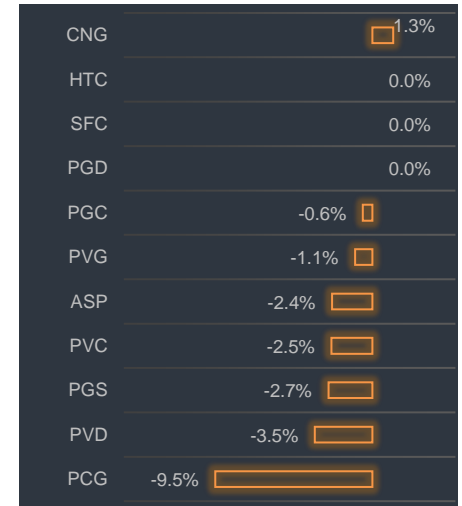
Bất động sản



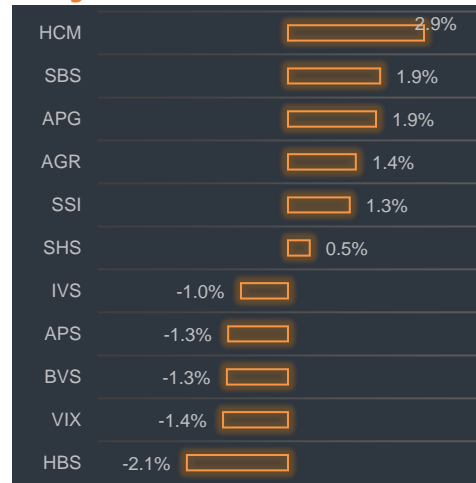
Xây dựng



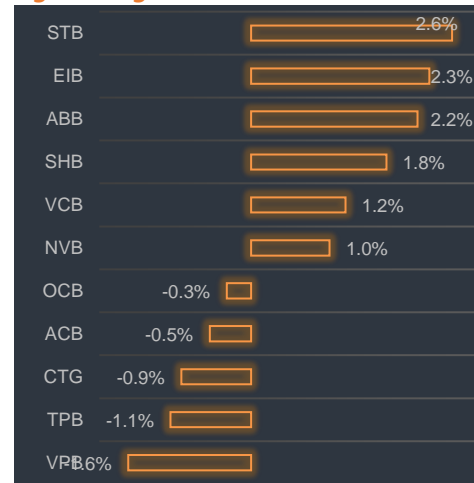
Dầu khí



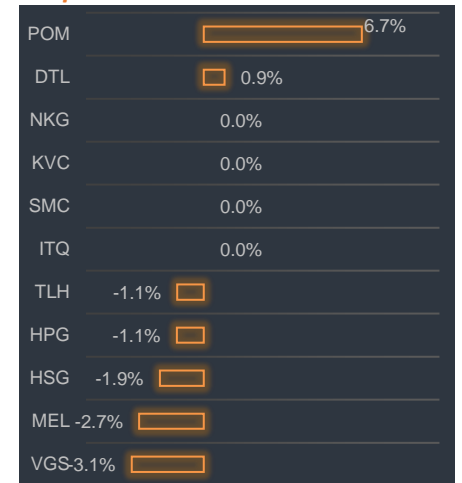
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931